

Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2013

 **Tường An**
Dầu ăn tốt, hiệu món ăn ngon!

CookingOil

DẦU ĂN DANH TIẾNG

GIÀU OMEGA 3, 6, 9
VITAMIN E TỰ NHIÊN



NGON THẬT NGON, GIÒN THẬT GIÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN NĂM 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0303498754 (số cũ 4103002698)** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 09 năm 2004, sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 05 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 03 năm 2013.
- **Vốn điều lệ: 189.802.000.000 đồng**
(Một trăm tám mươi chín tỷ, tám trăm lẻ hai triệu đồng)
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 189.802.000.000 đồng**
- **Địa chỉ:** 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- **Số điện thoại:** (84-8) 38 153 950 – 38 153 972 – 38 153 941 – 38 151 102
- **Số fax:** (84-8) 38 153 649 – 38 157 095
- **Website:** www.tuongan.com.vn
- **Mã cổ phiếu:** TAC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Quá trình hình thành và phát triển:**

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY THÔNG QUA MỘT SỐ SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
- Từ 1975 đến 09/2004	Nhà máy dầu Tuờng An là Doanh nghiệp nhà nước
- Năm 2004	Nhà máy dầu Tuờng An được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dầu Thực Vật Tuờng An (01/10/2004). Triển khai Dự án Xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày theo tiêu chuẩn GMP và HACCP.
- Năm 2005	Khởi công xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày (29/07/2005).

- Năm 2006 Cổ phiếu Tường An với mã chứng khoán TAC chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (26/12/2006).
- Năm 2008 Chính thức đưa NM Dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động sản xuất vào tháng 11/2008.
- Năm 2009 Hoàn tất đầu tư bổ sung dây chuyền thiết bị phân đoạn 400 tấn/ngày tại NM Dầu Phú Mỹ đưa vào hoạt động sản xuất tháng 02/2009.

- Hiện nay Công ty gồm có các Nhà máy, Chi nhánh, văn phòng đại diện như sau:

Nhà máy dầu Tường An, địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

Nhà máy dầu Phú Mỹ, địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nhà máy Dầu Vinh, địa chỉ: 135 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An.

Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên, địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

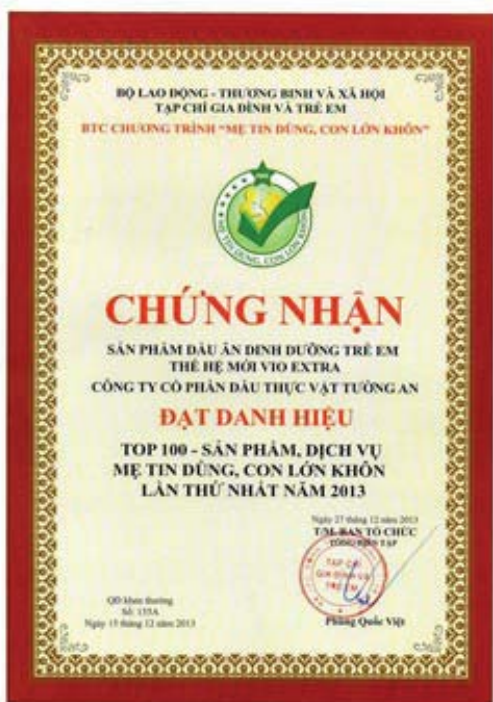
Văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Ô 32, Lô 10, Khu Di dân Đền Lừ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại TP Đà Nẵng, địa chỉ: 08 Mai Hắc Đế, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Văn phòng đại diện Miền Tây, địa chỉ: 40B 24 Khu Dân cư 91B Khu vực VI, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

MỘT SỐ DANH HIỆU TIÊU BIỂU CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

- 1 - Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 3. Năm 1990
Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 2. Năm 1995
Nhà nước khen tặng Huân chương Lao động hạng 1. Năm 2000
- 2 - Bộ Công thương (trước là Bộ Công nghiệp) khen tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm 1987 - 1989, 2003, 1991-1997, 2006 - 2009, 2004, 2012, 2013
- 3 - Chính phủ khen tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm 1998, 2001, 2005, 2010
- 4 - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khen tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm 1986, 1990, 2004, 2005
- 5 - Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn. Từ năm 1997 đến 2013
- 6 - Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn. Năm 2004, 2006, 2007, 2008, 2010, 2011
- 7 - Top 500 Doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất. Năm 2010 - 2012



CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC



- | | |
|--|----------------------------|
| 8 - Thương hiệu Chứng khoán uy tín. | Năm 2007, 2008, 2010, 2011 |
| 9 - Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức. | Năm 2011, 2012, 2013 |
| 10 - Đạt “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011” (do Ủy Ban Nhân dân TP.HCM tổ chức). | Năm 2011 |
| 11 - Top 20 “Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam” năm 2012 do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức. | Năm 2012 |
| 12 - Đạt “Doanh nghiệp hàng Việt tiêu biểu và Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” lần thứ III-2012 | Năm 2012 |
| 13 - Doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCK Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức. | Từ năm 2010 |
| 14 - Top 100 sản phẩm, dịch vụ “Mẹ tin dùng, con lớn khôn” do Tạp chí Gia đình và Trẻ em tổ chức. | Năm 2013 |

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các loại sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).
- **Địa bàn kinh doanh:** Sản phẩm Tường An được bán khắp cả nước qua hệ thống phân phối là Đại lý/Nhà phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, khách hàng công nghiệp, khách hàng Horeca ...

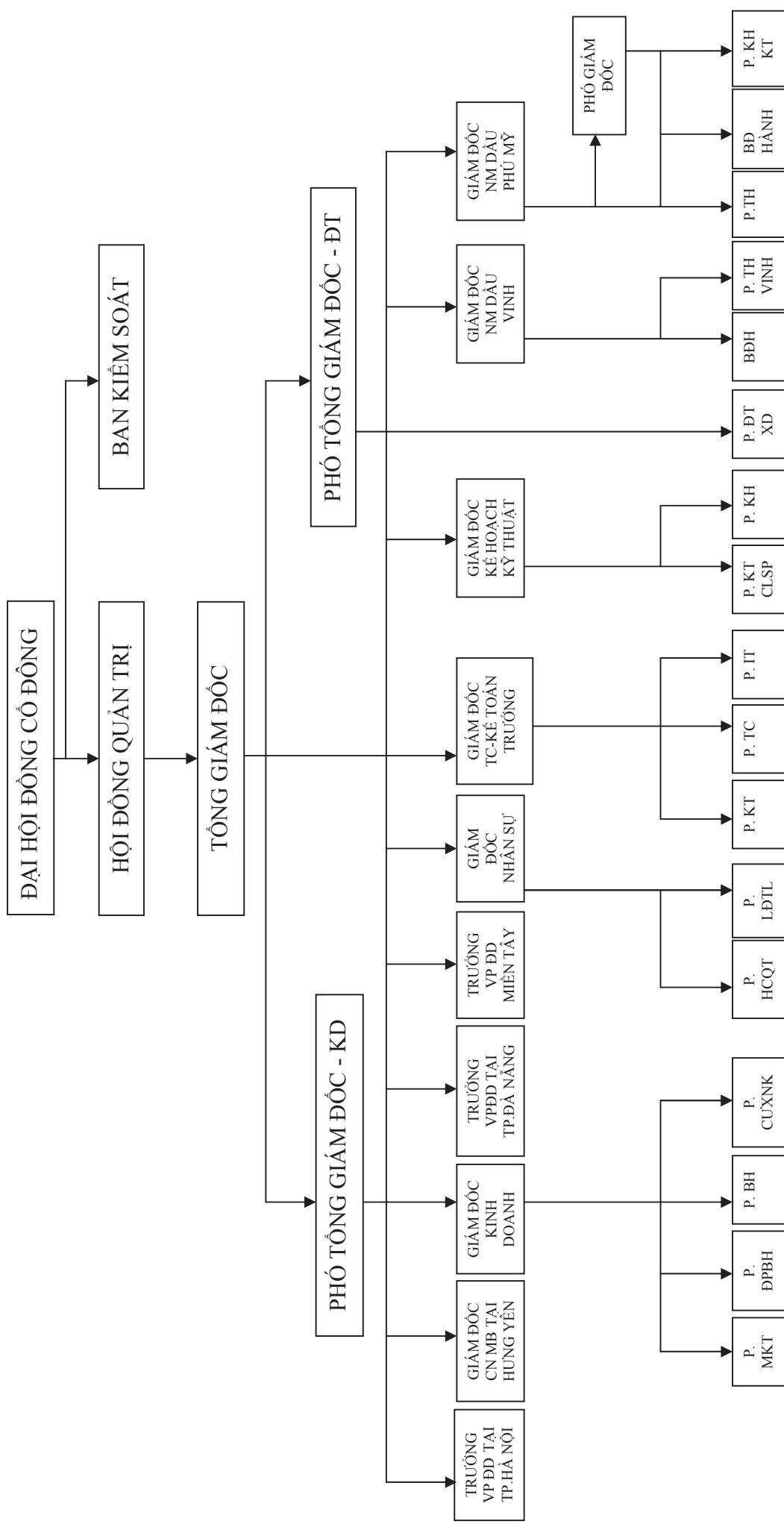
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 3 thành viên.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 5 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành và 02 Phó Tổng giám đốc.

– Các công ty con, công ty liên kết: không có

– Cơ cấu bộ máy quản lý



❖ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**Ông Nguyễn Hùng Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh: 17/01/1962
Quê quán: TPHCM
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 156E Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Ông Dương Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1955
Quê quán: TPHCM
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 184/27 Đặng Văn Ngữ, P.14, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Phát triển nguồn nước

Ông Hà Bình Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1959
Quê quán: Ninh Bình
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P.11, Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân Kinh tế

Ông Văn Tích Vĩnh – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 18/08/1956
Quê quán: Vĩnh Long
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 7 Nguyễn Duy Dương, P.8, Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Trương Huỳnh Bích – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 13/01/1971
Quê quán: Khánh Hòa
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 684/19B Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát**Ông Nguyễn Đức Thuyết – Trưởng Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh: 08/09/1966
Quê quán: Quảng Ngãi
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 14/14A Đường số 8, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Hồ Minh Sơn – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 24/07/1974
Quê quán: Quảng Trị
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 53A Cầu Xéo, P.Tân Quý, Q.Tân Phú, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Đình Ngân – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1958
Quê quán: Hà Tĩnh
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 127 lô 6 Cư xá Thanh Đa, P.27, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Trung cấp lao động tiền lương

❖ Tóm tắt lý lịch Ban điều hành**Ông Hà Bình Sơn – Tổng Giám đốc điều hành**

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1959
Quê quán: Ninh Bình
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P.11, Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân kinh tế

Ông Nguyễn Văn Lùng – Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1969
Quê quán: Tây Ninh
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 1/59 Cầu Xéo, P.Tân Sơn Nhì,
Q.Tân Phú, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Dương Tiến Đức – Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1956
Quê quán: Hà Tây
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 53 Huỳnh Khương An, P.5, Q.Gò
Vấp, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cao đẳng ngành Cơ khí chế
tạo máy

Ông Vũ Đức Thịnh – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 23/02/1972
Quê quán: Hải Phòng
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 123A/5 Nguyễn Ảnh Thủ, Hóc
Môn, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Dầu Nành

100% DẦU NÀNH NGUYÊN CHẤT



**TỐT CHO
TIM MẠCH**

- GIÀU OMEGA - 3, 6, 9
- GIÀU VITAMIN E TỰ NHIÊN
- KHÔNG CÓ CHOLESTEROL





Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

Dầu Phộng



5. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam.
- Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về dầu thực vật, nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại dinh dưỡng và sức khỏe cho người tiêu dùng.
- Đảm bảo và nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược ngắn hạn

- Xây dựng phát triển và giữ vững uy tín thương hiệu Tường An trong ngành thực phẩm thông qua việc phát triển những dòng sản phẩm có chất lượng tối ưu nhất phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng riêng của người Việt.
- Có các chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa cũng như thị trường xuất khẩu, khai thác có hiệu quả công suất nhà máy dầu Phú Mỹ cũng như ổn định và gia tăng thị phần.
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo hàng hóa được phân phối đến tay người tiêu dùng nhanh nhất và hiệu quả nhất.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.
- Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì, tập trung phát triển những nhãn hàng cao cấp nhằm đáp ứng ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như đem lại lợi nhuận của công ty.

Chiến lược trung hạn

- Từng bước hoàn thiện bộ máy kinh doanh của Công ty trở nên hiệu quả và gọn nhẹ, áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động phân phối bán hàng để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý và xây dựng bộ máy tiếp thị chuyên nghiệp nhằm tăng doanh số, đa dạng nhãn hàng, chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu trong ngành dầu thực vật.

Chiến lược dài hạn

- Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng thiết bị kỹ thuật bảo đảm sản lượng và chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ và đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng. Phát triển Công ty trở thành Công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại thị trường Việt Nam.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, giúp đỡ người nghèo, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai... cụ thể như:

- Tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tham gia chương trình “Giỏ quà tết Việt” do Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao TP.HCM phát động.

- Chia sẻ khó khăn, cùng người dân cả nước hướng về người dân vùng bão lũ, tặng quà cho đồng bào Quảng Bình bị ảnh hưởng bão Hải Yến và nhân dịp Tết Giáp Ngọ.
- Thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ vật chất, tinh thần cho người lao động mắc bệnh hiểm nghèo.

Đặc biệt ý nghĩa trong chuỗi những hoạt động cộng đồng là chương trình từ thiện, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn trong cuộc sống xã hội được Tường An quan tâm thể hiện bằng những việc làm hết sức thiết thực như:

- Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ Trẻ em Tam Bình, Gò Vấp, Linh Xuân, Thị Nghè, Chánh Phú Hòa (Bình Dương), Đại Lộc (Quảng Nam), Vinh (Nghệ An)... nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, ngày Quốc Khánh, ngày Giải phóng Đất nước.
- Tham gia tài trợ chương trình “Chăm lo cho trẻ em nghèo” do Ban Dân tộc các tỉnh phía Bắc tổ chức như Hà Nội, Hải Phòng.

Bên cạnh đó, các hoạt động mang tính nâng cao kiến thức cho người dân, chăm lo cho cộng đồng như: cuộc thi “Tìm hiểu hàng Việt” tại các chợ trong khu vực Tp.HCM nhằm kêu gọi, vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tổ chức các hội thi nấu ăn kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 tại TP Nha Trang (Khánh Hòa); hưởng ứng chương trình “Góp đá xây Trường Sa”...

6. Các rủi ro

- Ảnh hưởng của khủng hoảng nền kinh tế

- Năm 2013, do ảnh hưởng của kinh tế thế giới tác động đến nền kinh tế Việt Nam, nhu cầu tiêu dùng của xã hội giảm, sức mua thị trường giảm sút... cùng với tình hình thiên tai, lũ lụt diễn ra nhiều hơn
- Đối với Tường An, những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến thu nhập người dân cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Cạnh tranh

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các nhãn hàng dầu thực vật mới làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.

- Giá nguyên liệu

- Giá nguyên liệu trong nước ảnh hưởng và phụ thuộc rất nhiều vào giá nguyên liệu thế giới.
- Giá nguyên liệu và hàng hóa thế giới chưa ổn định, biến động tăng giảm bất thường.

- Biến động của tỷ giá

- Việc ảnh hưởng của tỷ giá USD/VND cũng là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại Tường An hiện nay.
- Nguyên liệu để sản xuất dầu thực vật chủ yếu phải nhập khẩu do đó khi tỷ giá USD/VND biến động sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

KHÔNG CHOLESTEROL

CANOLA



DẦU ĂN CAO CẤP CANOLA

BÍ QUYẾT VÀNG CHO SỨC KHỎE



DẦU HẠT CẢI TINH LUYỆN





 **Tường An**
Dầu ăn tốt, hiệu món ăn ngon!

DẦU ĂN THƯỢNG HẠNG

Dầu Mè



II. Tình hình hoạt động trong năm**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013**

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% thực hiện	
				So với KH	So với 2012
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	164.852	140.000	133.382	117,75 %	123,59 %
Tổng doanh thu	4.291	4.000	4.032	107,28 %	106,42 %
Lợi nhuận trước thuế	86,208	66,67	82,502	129,31%	104,49%
Lợi nhuận sau thuế	65,858	50	63,842	131,72 %	103,16 %
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	3.470	2.634	3.364	131,74%	103,15%

- Năm 2013 sản lượng tiêu thụ đạt 117,75% kế hoạch năm và tăng 23,59% so với năm 2012. Trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt như hiện nay, ngoài yếu tố giá bán hợp lý thì thương hiệu uy tín và chất lượng sản phẩm tốt là một lợi thế.
- Doanh thu thực hiện đạt 107,28% so với kế hoạch và tăng 6,42% so với cùng kỳ năm 2012. Để đạt được kết quả này là do Công ty có hệ thống phân phối nội địa trải rộng khắp cả nước và chính sách bán hàng linh động hơn.
- Chi phí hoạt động tài chính giảm đáng kể do lãi suất vay VNĐ giảm, tỷ giá USD/VNĐ tương đối ổn định.
- Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch 29,31% và tăng 4,49% so với thực hiện năm 2012.

2. Tổ chức và nhân sự**❖ Danh sách Ban điều hành**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc điều hành	1.500	0,0079
2	Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng giám đốc	1.070	0,0056
3	Dương Tiến Đức	Phó Tổng giám đốc	0	0
4	Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	10.000	0,053

- ❖ **Lý lịch Ban điều hành:** được thể hiện tại trang 8 và 9
- ❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:** Trong năm 2013 Công ty không có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.
- ❖ **Bảng thống kê nhân sự của Công ty đến ngày 31/12/2013**

Stt	Diễn giải	Số lượng	Ghi chú
1	Thạc sỹ	3	
2	Kỹ sư, cử nhân	185	
3	Cao đẳng	103	
4	Trung học chuyên nghiệp	107	
5	Trung học nghề	20	
6	Công nhân kỹ thuật	70	
7	Tốt nghiệp phổ thông trung học	309	
Tổng cộng		797	

❖ **Định hướng chiến lược nhân sự**

Quản trị nhân sự là vấn đề luôn được đặt lên hàng đầu, với quan điểm:

- “Công ty có phát triển và lớn mạnh hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên có năng lực, giàu kinh nghiệm và sáng tạo, tâm huyết với công việc, đoàn kết, cùng nhìn về một hướng là tài sản lớn nhất Công ty có được”.

Các chính sách trong công tác quản lý nhân sự :

- Tạo môi trường làm việc cạnh tranh thân thiện, thoải mái để nhân viên phát huy sáng tạo đổi mới. Xây dựng các chuẩn mực văn hóa Công ty tạo tiền đề cho sự đổi mới trong văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử thanh lịch, phù hợp với xã hội hiện đại.
- Trọng dụng lao động có năng lực chuyên môn giỏi, có chế độ đãi ngộ xứng đáng với người lao động; xây dựng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý.
- Đặc biệt quan tâm đến việc đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.

❖ **Chính sách đối với người lao động**

- Phân công lao động hợp lý đúng năng lực chuyên môn giúp nhân viên phát huy hết khả năng của mình. Bên cạnh đó khuyến khích nhân viên tìm tòi học hỏi, am hiểu thêm những lĩnh vực khác nhằm tăng khả năng linh hoạt trong giải quyết công việc và dễ dàng đảm nhiệm công việc khác khi cần thiết thay đổi.
- Thường xuyên bố trí, cử nhân viên tham dự các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ giúp nhân viên cập nhật kiến thức kịp thời và làm tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2013, Công ty đã có một số chính sách cụ thể như sau:

- Triển khai các chính sách nhằm thu hút người lao động .
- Đào tạo đội ngũ giám sát, nhân viên bán hàng trở nên chuyên nghiệp và thích ứng với thị trường.
- Tuyển mới, đào tạo thay thế kịp thời nhân sự cho các vị trí còn thiếu.
- Có chính sách điều chỉnh lương phù hợp với tình hình thực tế.
- Có chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề gắn bó với Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2013 Công ty không có đầu tư tài chính, không có triển khai và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.001.871.132.875	1.222.588.579.768	22,03%
Doanh thu thuần	4.031.608.490.882	4.291.079.223.546	6,44%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	80.152.120.467	81.888.317.601	2,17%
Lợi nhuận khác	2.350.213.786	4.319.961.719	83,81%
Lợi nhuận trước thuế	82.502.334.253	86.208.279.320	4,49%
Lợi nhuận sau thuế	63.842.069.230	65.858.089.797	3,16%
Số tiền chi trả cổ tức	30.368.320.000	30.368.320.000	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,10 lần	2,17 lần	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,23	1,24	0,01
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,49	0,65	0,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,67	0,05
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,65	1,99	0,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	7,07	8,25	1,18
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,02	3,51	-0,51
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,58%	1,53%	-0,05
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,88%	16,08%	-0,8
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,37%	5,39%	-0,98
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,99%	1,91%	-0,08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần phổ thông	:	18.980.200
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành	:	Không có
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	18.980.200
- Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại	:	Không có

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Năm 2012 (chốt ngày 28/3/2012)		Năm 2013 (chốt ngày 27/3/2013)	
		Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	100 %	18.980.200	100 %
1	Trong nước	18.182.810	95,80 %	18.336.630	96,61 %
	- Cá nhân	8.180.070	43,09 %	8.470.300	44,63 %
	- Tổ chức	10.002.740	52,70 %	9.866.330	51,98 %
	✓ Trong đó Nhà nước	9.679.900	51,00 %	9.679.900	51,00 %
2	Nước ngoài	797.390	4,20 %	643.570	3,39 %
	- Cá nhân	190.830	1,01 %	78.910	0,42 %
	- Tổ chức	606.560	3,20 %	564.660	2,97 %
II	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2013 Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2013 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác

Trong năm 2013, Công ty không phát sinh thêm chứng khoán nào khác ngoài cổ phiếu VPK (Tường An sở hữu 2,4% cổ phiếu VPK).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Do ảnh hưởng kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam mặc dù đã có những chuyển biến tích cực nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chậm, GDP năm 2013 tăng khoảng 5,42% so với năm 2012, thu nhập dân cư giảm sút, sức mua yếu...

- Giá bán các sản phẩm dầu ăn trên thị trường luôn có xu hướng giảm mạnh (khoảng 15%).
- Tình hình cạnh tranh giữa các nhãn hiệu dầu ăn rất gay gắt để chiếm thị phần, nhất là khi phân khúc hàng giá rẻ ngày càng phát triển do thu nhập người tiêu dùng có xu hướng giảm. Việc cạnh tranh cung cấp sản phẩm cho khách hàng công nghiệp ngày càng quyết liệt làm cho giá bán và hiệu quả kinh doanh không cao.
- Thuế nhập khẩu dầu thực vật tinh luyện tăng lên 5% từ 07/05/2013 đã giúp cho xu hướng khách hàng công nghiệp trực tiếp nhập khẩu giảm. Một số khách hàng công nghiệp chuyển sang mua hàng trong nước do đó Công ty đẩy mạnh tiêu thụ cho khách hàng công nghiệp để gia tăng sản lượng tiêu thụ.
- Tỷ giá giữa USD/VND tương đối ổn định. Lãi suất vay VND giảm giúp cho chi phí tài chính giảm.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2013

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	Tỷ lệ % thực hiện	
				So với KH	So với 2012
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	164.852	140.000	133.382	117,75%	123,59%
Tổng doanh thu	4.291	4.000	4.032	107,28%	106,42%
Lợi nhuận sau thuế	65,858	50	63,842	131,72%	103,16%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	3.470	2.634	3.364	131,72%	103,16%

Các hoạt động của Công ty trong năm 2013

- **Công tác marketing:** Chú trọng tiến hành nhiều chiến dịch marketing và đạt hiệu quả tốt. Tập trung quảng cáo và PR cho sản phẩm bằng rất nhiều hình thức và mục tiêu rõ ràng như: PR thông qua báo chí, quảng cáo truyền hình. Tập trung các chương trình làm mới cho các sản phẩm như dầu Nành, Vio Extra, Cooking Oil. Đẩy mạnh các chương trình Activation, trưng bày sản phẩm, bảng hiệu tại các tỉnh...
- **Công tác thị trường:** Kênh siêu thị tiếp tục được chú trọng và củng cố bằng nhiều hình thức: tăng nhân viên tại các siêu thị, tăng quảng cáo LCD, bảng hiệu trong và ngoài siêu thị, đưa thêm sản phẩm vào siêu thị, gia công nhãn hàng cho siêu thị. Kênh khách hàng

công nghiệp được chú trọng và việc tăng thuế nhập khẩu dầu tinh luyện lên 5% làm cho khách hàng công nghiệp chuyển sang mua hàng trong nước, sản lượng tiêu thụ cho khách hàng công nghiệp những tháng cuối năm tăng lên, góp phần gia tăng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty.

- **Công tác chất lượng, nghiên cứu sản phẩm mới:** Cơ cấu sản phẩm được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, mẫu mã sản phẩm được cải tiến. Công ty đưa ra thị trường dầu chai Olive 500ml và Margarine Season có bổ sung vi chất và hương vị mới bước đầu được người tiêu dùng ủng hộ. Xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 và GMP-HACCP, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng (+) / giảm (-)
Tổng tài sản	1.001.871.132.875	1.222.588.579.768	22,03%
Tài sản ngắn hạn	764.646.028.043	1.011.887.870.612	32,33%
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.552.722.363	406.466.089.611	102,67%
Các khoản phải thu ngắn hạn	97.997.691.591	104.466.811.297	6,60%
Hàng tồn kho	459.728.420.211	479.769.402.418	4,36%
Tài sản ngắn hạn khác	6.367.193.878	21.185.567.286	232,73%
Tài sản dài hạn	237.225.104.832	210.700.709.156	-11,18%
Tài sản cố định	234.438.581.321	208.033.006.102	-11,26%
Các khoản đầu tư TC dài hạn	1.824.000.000	1.824.000.000	
Tài sản dài hạn khác	962.523.511	843.703.054	-12,34%

- Giá trị tổng tài sản năm 2013 tăng 22,03% so với năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 32,22% và tài sản dài hạn giảm 11,18% so với năm 2012.
- Chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn tăng 6,6% so với năm 2012, nguyên nhân do sức mua giảm, cạnh tranh giữa các công ty ngày càng gay gắt và việc mở rộng bán hàng cho khách hàng công nghiệp nên Công ty đã gia tăng hạn mức tín dụng nợ cho các khách hàng.
- Chỉ tiêu hàng tồn kho tăng do Tết Nguyên đán năm 2014 diễn ra trong tháng 01/2014 nên Công ty phải dự trữ hàng hóa nhiều hơn làm cho giá trị hàng tồn kho năm 2013 tăng 4,36% so với năm 2012.
- Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác tăng 232,73%, nguyên nhân do chính sách thuế GTGT thay đổi nên thuế GTGT chưa khấu trừ hết, khi lập thủ tục khai báo hải quan là đã phải nộp thuế GTGT ngay trước khi nhận hàng, không được nợ 30 ngày như trước đây.

b) Tình hình nợ phải trả

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng (+) / giảm (-)
Nợ phải trả	623.582.625.031	813.138.206.617	30,40%
Nợ ngắn hạn	623.582.625.031	813.138.206.617	30,40%
Vay và nợ ngắn hạn	175.640.857.288	298.051.716.360	69,69%
Phải trả người bán	388.472.001.977	469.372.865.428	20,83%
Các khoản nợ ngắn hạn khác	59.469.765.766	45.713.624.829	-23,13%
Nợ dài hạn	-	-	
Vay và nợ dài hạn	-	-	
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	

- Nợ phải trả năm 2013 tăng 30,4% so với năm 2012 do cuối năm giá nguyên liệu có xu hướng tăng và dự trữ nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu Tết vì vậy nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh tăng nên chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn tăng 69,69% so với năm 2012. Và trong năm 2013, chính sách lãi suất vay của ngân hàng giảm, tỷ giá USD/VNĐ ổn định giúp Công ty giảm chi phí tài chính và lợi nhuận thực hiện năm 2013 vượt kế hoạch.
- Khoản mục phải trả người bán tăng 20,83% so với năm 2012 nhưng các khoản nợ phải trả vẫn nằm trong hạn mức cho phép.
- Các khoản nợ ngắn hạn khác giảm 23,13% do chi phí phải trả cuối năm giảm so với năm 2012.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2013 Công ty đã chuyển đổi thành công hệ thống phân phối mới, hỗ trợ kịp thời để Đại lý/NPP ổn định và phát triển thị trường.
- Chương trình marketing, kích hoạt bán hàng được thực hiện nhiều và đa dạng thích hợp cho từng đối tượng, phân khúc thị trường.
- Tổ chức và giám sát tốt các quy trình sản xuất và kinh doanh theo đúng nội dung tiêu chuẩn ISO-9001: 2008. Công ty đã đạt chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại văn phòng Công ty và NM Dầu Phú Mỹ; đạt chứng nhận GMP và HACCP tại NM Dầu Phú Mỹ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhận định thị trường năm 2014 vẫn còn khó khăn, sức mua chưa được cải thiện nhiều, phân khúc sử dụng sản phẩm giá thấp vẫn chiếm phần lớn... Để đạt được kế hoạch, năm 2014 Công ty sẽ chú trọng một số nội dung sau:

➤ Công tác thị trường, marketing

- Mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa, chú trọng đề ra chính sách bán hàng hợp lý đặc biệt đối với kênh bán lẻ hiện đại tại các siêu thị, trung tâm thương mại và mở rộng kênh khách hàng công nghiệp.
- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng và hệ thống nhà phân phối trên toàn quốc theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo hàng hóa được phân phối đến tay người tiêu dùng nhanh nhất và hiệu quả nhất.
- Tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm khai thác có hiệu quả công suất của các nhà máy cũng như ổn định và gia tăng thị phần.
- Đổi mới công tác marketing, cải tiến mẫu mã bao bì nhằm nâng cao giá trị thương hiệu của sản phẩm, đẩy mạnh hơn nữa các công tác marketing vì lợi ích cộng đồng.

➤ Công tác sản phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới có giá trị dinh dưỡng cao phù hợp với mục tiêu của Công ty trở thành một trong những đơn vị dẫn đầu ngành dầu thực vật trong việc cung cấp các sản phẩm có lợi cho sức khỏe cộng đồng.
- Về hệ thống quản lý chất lượng: Công ty thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và GMP - HACCP tại NM Dầu Phú Mỹ. Tăng cường kiểm tra,

giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đồng thời đảm bảo môi trường trong sạch.

➤ **Công tác nhân sự**

- Củng cố tổ chức, tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ CBCNV. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CB-CNV. Có chính sách tuyển dụng, đào tạo hợp lý, khuyến khích lao động có năng lực và tay nghề, không cào bằng. Có chính sách đãi ngộ tốt nhằm thu hút và giữ được lao động có năng lực.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai thực hiện tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a) Một số đặc điểm trong năm 2013 tác động đến kinh doanh của Công ty

- Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đang khó khăn chưa phục hồi phát triển. Thu nhập người dân giảm, sức mua của thị trường yếu.
- Về tình hình thị trường, năm 2013 ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực dầu ăn do đó thị phần rất dễ bị chia sẻ.
- Thuế nhập khẩu dầu thực vật được áp dụng là 5% kể từ 07/05/2013 và lộ trình giảm dần đến năm 2017 đã một phần nào hạn chế việc nhập khẩu của các công ty thương mại và khách hàng công nghiệp.
- Năm 2013 lãi vay ngân hàng giảm, tỷ giá USD/VND tương đối ổn định giúp cho chi phí tài chính giảm, thuận lợi trong công tác nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- Tình hình thiên tai, lũ lụt kéo dài, biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đến sức mua của người dân.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, trong năm 2013 Tường An một lần nữa đã khẳng định sự vững vàng trong từng bước tiến của mình thể hiện qua các kết quả đạt được của năm 2013.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013

✓ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

- Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ năm 2013 là 164.852 tấn dầu các loại, đạt 117,8% kế hoạch năm 2013, tăng 23,6% so với năm 2012.
- Doanh thu năm 2013 thực hiện 4.291 tỷ đồng đạt 107,28% so với kế hoạch, tăng 6,42% so với năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 65,858 tỷ đồng tăng 31,72% so với kế hoạch; tăng 3,16% so với năm 2012.

Cả 03 chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra. Đây là một kết quả rất tốt của Công ty trong điều kiện nền kinh tế tài chính năm 2013 có nhiều khó khăn.

Thêm vào đó, một phần đóng góp không nhỏ vào việc tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty là năng lực quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc nghiệp vụ. Ngoài ra, công tác tín dụng linh hoạt, sử dụng vốn có hiệu quả đã giúp giảm chi phí hoạt động tài chính của Công ty.

✓ **Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013**

- Xây dựng và đưa vào sử dụng một hệ thống xử lý nước thải và một nhà kho tại NM Dầu Vinh.
- Đầu tư một máy dán nhãn chai và thi công lắp đặt hệ thống báo cháy tự động khu vực nhà văn phòng tại NM Dầu Phú Mỹ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao năng lực điều hành của Ban Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm, trong việc:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược, kế hoạch mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.
- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra.
- Báo cáo trung thực mọi hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT.
- Báo cáo công khai minh bạch, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	KH 2014/ Thực hiện 2013
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[4]
Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	140.000	164.852	150.000	91 %
Doanh thu	Tỷ đồng	4.000	4.291	4.100	95,54 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	65,85	50	75,93 %
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	16%	16%	16%	100%

b) Đầu tư xây dựng cơ bản

- Triển khai tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư tại Nhà máy Dầu Vinh.
- Khai thác hiệu quả công suất các thiết bị ở các nhà máy, đặc biệt các thiết bị tại Nhà máy Dầu Phú Mỹ.

V. Quản trị công ty
1. Hội đồng quản trị
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết của TAC			Tỷ lệ sở hữu (%)
			Đại diện sở hữu của Vocarimex	Sở hữu cá nhân	Tổng	
01	Nguyễn Hùng Cường	- Chủ tịch HĐQT - Phó TGD Vocarimex - Thành viên HĐQT Cty CP dầu TV Tân Bình	3.200.000	15.000	3.215.000	16,94
02	Dương Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT - Phó TGD Vocarimex - Chủ tịch HĐQT Cty CP bao bì dầu TV (VPK), Cty CP dầu TV Tân Bình	3.279.900		3.279.900	17,28
03	Hà Bình Sơn	- Thành viên HĐQT - Tổng GD TAC	3.200.000	1.500	3.201.500	16,87
04	Văn Tích Vĩnh	- Thành viên HĐQT - Kiểm soát viên nhà nước Vocarimex - Trưởng BKS Cty CP bao bì dầu TV (VPK)				
05	Trương Huỳnh Bích	- Thành viên HĐQT (độc lập)		1.000	1.000	0,0053

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp thường kỳ hàng quý để giám sát Tổng giám đốc điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch cho quý tới.

Các cuộc họp HĐQT bằng hình thức trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm xem xét và quyết định các vấn đề liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, mua nguyên liệu, các vấn đề liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác.

Tổng số cuộc họp HĐQT trong năm 2013: 101 lần

Trong đó:

- Tổ chức họp 08 lần trực tiếp.
- Lấy ý kiến bằng văn bản 93 lần.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Đại hội đồng cổ đông năm 2012 được tiến hành vào ngày 26/04/2012 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2012 – 2017, trong đó Ông Trương Huỳnh Bích là thành viên độc lập.

2. Ban Kiểm soát**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Nguyễn Đức Thuyết	- Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên HĐQT Cty CP trích ly dầu TV (VOE) - Trưởng BKS Cty CP dầu thực vật Tân Bình	200	0,0011
02	Hồ Minh Sơn	- Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên HĐQT CP bao bì dầu TV (VPK) - Chủ tịch HĐQT Cty CP TM dầu TV (VOT)	0	0
03	Nguyễn Đình Ngân	- Thành viên Ban kiểm soát	1.000	0,0053

b) Hoạt động của Ban kiểm soát**Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.
- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 08 lần, lấy ý kiến bằng văn bản 93 lần. Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban TGD điều hành thực hiện.
- Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Giám sát hoạt động của Ban TGD điều hành

- Trong năm 2013, Ban TGD điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp với Hội đồng quản trị. Trong cuộc họp, Ban TGD đã trình bày kết quả điều hành hoạt động SXKD trong kỳ, mạnh dạn đề xuất những khó khăn vướng mắc và biện pháp tháo gỡ để HĐQT ban hành Nghị quyết có tính pháp lý và hiệu lực để Ban TGD triển khai thực hiện. Đây là một trong những tác nhân quan trọng, dẫn đến kết quả SXKD của Công ty đạt hiệu quả như mong muốn của cổ đông.
- Trong năm, Ban TGD đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ-CNV Công ty thực hành tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý; duy trì, ổn định hoạt động SXKD. Các phòng, ban, nhà máy của Công ty luôn có tinh thần làm việc với trách nhiệm cao nhất, đã góp phần tích cực trong hoạt động SXKD như thực hiện tái cấu trúc các dòng sản phẩm, nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã và chất lượng phù hợp với thực tế, cơ cấu nguồn vốn nhằm cải thiện và tiết giảm chi phí tài chính, bổ sung các quy trình quản trị nội bộ, giúp hoạt động của Công ty được thuận lợi, minh bạch và hiệu quả.
- Ban Tổng giám đốc điều hành phối hợp với tổ chức Công đoàn quan tâm tốt đến đời sống CB-CNV. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2013 là ổn định.
- Ban Kiểm soát đánh giá cao Khối TCKT trong công tác kế toán và quản trị tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực và hợp pháp.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc điều hành. Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2013 của HĐQT và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2013 theo các Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2013. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban TGD điều hành.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính. Cụ thể, xem xét báo cáo 6 tháng, 9 tháng, 10 tháng và Báo cáo tài chính năm 2013 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán A&C.
- Trong năm 2013, các thành viên của Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do Trưởng Ban triệu tập.
- Hoạt động của Ban kiểm soát luôn có sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, nhà máy. Hoạt động của Ban kiểm soát có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty. Mọi quan hệ trong phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát là phù hợp với chuẩn mực, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Kết luận công tác giám sát của Ban kiểm soát

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động, các Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đều tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy định hiện hành của Nhà nước và có đầy đủ yếu tố pháp lý, hiệu lực để Công ty triển khai thực hiện.
- Kết quả SXKD và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

➤ **Lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Đvt: đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	6.000.000
2	Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Ông Hà Bình Sơn	Thành viên HĐQT	4.000.000

4	Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên HĐQT	4.000.000
5	Ông Trương Huỳnh Bích	Thành viên HĐQT	14.000.000
6	Ông Vũ Đức Thịnh	Thư ký HĐQT	3.000.000
7	Ông Bùi Hoàng Phương	Trợ lý thư ký HĐQT	2.000.000
B	BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng Ban	4.000.000
2	Ông Hồ Minh Sơn	Thành viên	2.000.000
3	Ông Nguyễn Đình Ngân	Thành viên	2.000.000

➤ **Lương, thưởng của Ban điều hành:**

Đvt: đồng

Stt	Họ tên	Chức danh	Mức tiền lương/tháng	Tiền thưởng	Quyền lợi khác
1	Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	72.293.000		Không
2	Nguyễn Văn Lùng	Phó TGD	51.030.000		Không
3	Dương Tiến Đức	Phó TGD	51.030.000		Không
4	Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	42.525.000		Không

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2013, Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2013, Công ty Tường An đã thực hiện và báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên và hàng năm đến các nhà đầu tư.



 **Tường An**
Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

Thực phẩm bổ sung

Season

PREMIUM EDIBLE OIL

Dầu ăn được tăng cường Vitamin A&D



Vitamin A: 10.000IU/100g
Vitamin D: 500IU/100g

VanTho

Ấm áp hạnh
phúc gia đình



VI. Báo cáo tài chính đã kiểm toán:***BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ***

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303498754 (đăng ký lần đầu số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 04 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi chi nhánh hoạt động.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Ông Đoàn Tấn Nghiệp, Ông Nguyễn Hùng Cường và Ông Đinh Quốc Hưng đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV	96.799.000.000	51,00
Các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00
Cộng	189.802.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 48/5, đường Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38 153 950 - 38 153 972 - 38 153 941 - 38 151 102

Fax : (84.8) 38 153 649 - 38 157 095

Website : www.tuongan.com.vn

E-mail : tuongan@tuongan.com.vn

Mã số thuế : 0303498754

Các đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Việt Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh miền Bắc tại Hưng Yên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
VPĐD tại TP Hà Nội	Ô32, Lô 10, Khu DD Đèn Lừ 1, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
VPĐD tại TP Đà Nẵng	08 Mai Hắc Đế, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
VPĐD Miền Tây	Khu DC 91B, KV 6, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là: Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng; Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt); Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 là 30.368.320.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 4 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty cũng trích lập quỹ từ lợi nhuận 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 căn cứ vào điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 42/NQ-HĐQT.13 ngày 26 tháng 4 năm 2013 với tỷ lệ trích của các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : 5% lợi nhuận sau thuế

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trương Huỳnh Bích	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng ban	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Đình Ngân	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Hồ Minh Sơn	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	30 tháng 12 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Dương Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Vũ Đức Thịnh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	31 tháng 01 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch

Seadson

MARGARINE



BƠ THỰC VẬT CAO CẤP

Bổ sung Vitamin A, D, E

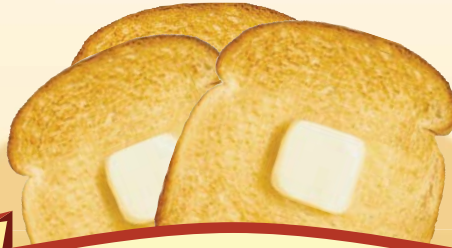
Không Cholesterol - Không chứa axit béo cấu hình Trans



Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

MARGARINE



BƠ THỰC VẬT



**BAKER TILLY
A&C**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0125/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Minh Khiêm - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0785-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.011.887.870.612	764.646.028.043
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	406.466.089.611	200.552.722.363
1.	Tiền	111		74.666.089.611	79.252.722.363
2.	Các khoản tương đương tiền	112		331.800.000.000	121.300.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.466.811.297	97.997.691.591
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	98.526.145.641	96.501.964.246
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	1.478.547.828	500.248.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.462.117.828	995.479.345
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		479.769.402.418	459.728.420.211
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	487.776.549.472	475.254.602.936
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(8.007.147.054)	(15.526.182.725)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		21.185.567.286	6.367.193.878
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	543.240.794	565.466.219
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.627.620.238	5.771.021.405
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		14.706.254	30.706.254
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.700.709.156	237.225.104.832
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-


1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		208.033.006.102	234.438.581.321
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	179.850.208.042	209.176.752.535
	<i>Nguyên giá</i>	222		452.598.676.806	455.767.633.186
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(272.748.468.764)	(246.590.880.651)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.073.165.157	25.148.192.423
	<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.417.716.981)	(8.342.689.715)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	7.109.632.903	113.636.363
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.824.000.000	1.824.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		843.703.054	962.523.511
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	843.703.054	962.523.511
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.222.588.579.768	1.001.871.132.875

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300		813.138.206.617	623.582.625.031
I.	Nợ ngắn hạn	310		813.138.206.617	623.582.625.031
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	298.051.716.360	175.640.857.288
2.	Phải trả người bán	312	V.14	469.372.865.428	388.472.001.977
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.15	5.920.060.152	3.095.647.491
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.008.885.325	9.895.290.106
5.	Phải trả người lao động	315	V.17	20.132.761.667	20.421.158.945
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	2.033.412.983	17.262.316.279
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.433.117.874	2.618.387.672
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	7.185.386.828	6.176.965.273
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B-	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409.450.373.151	378.288.507.844
I.	Vốn chủ sở hữu	410		409.450.373.151	378.288.507.844
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	189.802.000.000	189.802.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-

3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-	
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	114.197.281.407	107.611.472.427
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-	8.102.230.959
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	18.980.200.000	10.308.610.006
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	86.470.891.744	62.464.194.452
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.222.588.579.768	1.001.871.132.875

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		41.474.618.540	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.477,36	272.883,00
Euro (EUR)		-	1,22
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


 Người lập biểu
 Nguyễn Phương Thảo


 Kế toán trưởng
 Vũ Đức Thịnh



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014


 Tổng Giám đốc
 Hà Bình Sơn


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.301.846.575.172	4.057.149.179.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.767.351.626	25.540.688.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.291.079.223.546	4.031.608.490.882
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.874.855.744.531	3.653.420.872.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		416.223.479.015	378.187.617.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.450.394.365	5.561.617.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.710.720.474	17.874.444.277
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.478.789.876	17.380.497.226
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	305.430.904.377	250.571.473.420
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	40.643.930.928	35.151.196.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81.888.317.601	80.152.120.467
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.374.339.982	2.455.092.464
12. Chi phí khác	32	VI.8	54.378.263	104.878.678
13. Lợi nhuận khác	40		4.319.961.719	2.350.213.786
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.208.279.320	82.502.334.253
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		20.231.369.066	18.541.444.566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		118.820.457	118.820.457
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.858.089.797	63.842.069.230
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.470	3.364


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014



Người lập biểu
Nguyễn Phương Thảo



Kế toán trưởng
Vũ Đức Thịnh



Tổng Giám đốc
Hà Bình Sơn




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86.208.279.320	82.502.334.253
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	34.729.359.272	30.011.357.105
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(7.519.035.671)	14.950.182.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	89.555	(62.802.484)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,7,8	(601.167.192)	(4.342.876.191)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.478.789.876	17.380.497.226
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.296.315.160	140.438.692.634
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.268.458.539)	(17.966.354.969)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.521.946.536)	98.663.037.812
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		67.931.627.805	56.731.905.743
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		696.510.592	(112.316.211)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.363.256.857)	(17.983.043.269)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(21.499.487.496)	(2.301.542.661)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.672.144.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.519.066.935)	(1.651.036.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		124.424.381.194	255.819.342.292
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.205.694.008)	(2.578.010.282)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	262.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	384.000.000	4.104.254.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.559.239.463)	1.526.244.587

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	2.100.102.715.471	1.728.793.626.974
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(1.977.691.856.399)	(1.858.875.097.909)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.362.544.000)	(30.404.015.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.048.315.072	(160.485.485.935)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		205.913.456.803	96.860.100.944
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	200.552.722.363	103.697.565.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(89.555)	(4.944.414)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	406.466.089.611	200.552.722.363

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014


 Người lập biểu
 Nguyễn Phương Thảo


 Kế toán trưởng
 Vũ Đức Thịnh


 Tổng Giám đốc
 Hà Bình Sơn



Olive Tường An

Không chỉ là dầu ăn!



Từ những trái Olive thượng hạng, kết hợp với công nghệ ép lạnh cho ra đời sản phẩm dầu Olive Tường An

nguyên chất 100%, lưu giữ các dưỡng chất quý giá từ thiên nhiên, không chỉ giúp món ăn ngon hơn, mà còn rất tốt cho sức khỏe và sắc đẹp.



100% dầu Olive nguyên chất.

Lưu giữ các dưỡng chất từ thiên nhiên.



VIO

Extra

DHA

DẦU ĂN DINH DƯỠNG TRẺ EM

THẾ HỆ MỚI



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên** : Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 799 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 760 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.812 VND/USD

31/12/2013 : 21.065 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị gốc trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	673.219.408	1.863.479.597
Tiền gửi ngân hàng	73.992.870.203	77.389.242.766
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	331.800.000.000	121.300.000.000
Cộng	<u><u>406.466.089.611</u></u>	<u><u>200.552.722.363</u></u>

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	439.047.828	500.248.000
Khoản ứng trước cho hoạt động khác	1.039.500.000	-
Cộng	<u><u>1.478.547.828</u></u>	<u><u>500.248.000</u></u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.826.805.150	360.166.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	635.312.678
Cộng	<u>4.462.117.828</u>	<u>995.479.345</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	5.045.486.645	7.114.528.084
Nguyên liệu, vật liệu, bao bì	298.295.053.052	295.527.961.579
Công cụ, dụng cụ	343.557.966	367.059.050
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.783.989.399	76.961.618.937
Thành phẩm	132.049.807.715	92.825.679.455
Hàng hóa	4.258.654.695	2.457.755.831
Cộng	<u>487.776.549.472</u>	<u>475.254.602.936</u>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD (xem thuyết minh số V.13)

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	-	(9.446.258.746)
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	-	(2.023.802.149)
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(8.007.147.054)	(4.056.121.830)
Cộng	<u>(8.007.147.054)</u>	<u>(15.526.182.725)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(15.526.182.725)	-
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng trong năm	7.519.035.671	(15.526.182.725)
Số cuối năm	<u>(8.007.147.054)</u>	<u>(15.526.182.725)</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	457.584.794	479.810.219
Chi phí thuê kho trả trước	85.656.000	85.656.000
Cộng	<u>543.240.794</u>	<u>565.466.219</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.183.184.490	285.884.638.912	6.898.535.435	2.801.274.349	455.767.633.186
Tăng trong năm	54.358.570	982.124.463	965.600.000	45.277.000	2.047.360.033
Mua sắm mới	-	218.876.350	965.600.000	45.277.000	1.229.753.350
Đầu tư XDCB hoàn thành	54.358.570	763.248.113	-	-	817.606.683
Giảm trong năm	(1.666.008.661)	(1.979.524.887)	(694.998.677)	(875.784.188)	(5.216.316.413)
Thanh lý trong năm	(592.187.100)	(49.391.220)	(682.426.404)	(13.584.093)	(1.337.588.817)
Phân loại lại	(1.073.821.561)	(1.930.133.667)	(12.572.273)	(862.200.095)	(3.878.727.596)
Số cuối năm	158.571.534.399	284.887.238.488	7.169.136.758	1.970.767.161	452.598.676.806
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.596.753.583	49.455.191.720	2.071.662.689	1.883.650.161	77.007.258.153
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	65.409.497.975	173.670.110.539	4.842.298.216	2.668.973.921	246.590.880.651
Khấu hao trong năm	10.937.367.022	18.992.800.575	693.723.438	30.440.971	30.654.332.006
Giảm trong năm	(1.398.948.191)	(1.663.986.052)	(649.711.324)	(784.098.326)	(4.496.743.893)
Thanh lý trong năm	(592.187.100)	(49.391.220)	(637.139.051)	(13.584.093)	(1.292.301.464)
Phân loại lại	(806.761.091)	(1.614.594.832)	(12.572.273)	(770.514.233)	(3.204.442.429)
Số cuối năm	74.947.916.806	190.998.925.062	4.886.310.330	1.915.316.566	272.748.468.764
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	94.773.686.515	112.214.528.373	2.056.237.219	132.300.428	209.176.752.535
Số cuối năm	83.623.617.593	93.888.313.426	2.282.826.428	55.450.595	179.850.208.042
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 144.881.381.435 VND và 46.549.101.444 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.858.723.093	520.000.000	2.378.723.093

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.822.689.715	520.000.000	8.342.689.715
Khấu hao trong năm	4.075.027.266	-	4.075.027.266
Số cuối năm	11.897.716.981	520.000.000	12.417.716.981
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.148.192.423	-	25.148.192.423
Số cuối năm	21.073.165.157	-	21.073.165.157
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các công trình tại nhà máy dầu Vinh	6.462.701.260	-
Các công trình tại nhà máy dầu Phú Mỹ	646.931.643	113.636.363
Cộng	7.109.632.903	113.636.363

Tình hình biến động trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	113.636.363	16.995.827.125
Chi phí phát sinh trong năm	7.813.603.223	3.380.656.397
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(817.606.683)	(19.870.935.341)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất	-	(391.911.818)
Số cuối năm	7.109.632.903	113.636.363

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	962.523.511	1.081.343.968
Hoàn nhập trong năm	(118.820.457)	(118.820.457)
Số cuối năm	843.703.054	962.523.511

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	140.214.708.881	140.395.533.812
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	27.367.961.885	35.245.323.476
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	130.469.045.594	-
Cộng	298.051.716.360	175.640.857.288

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0219/KH/12NH ngày 07 tháng 8 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

⁽ⁱⁱ⁾ Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
- Thời hạn được vay : 3 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 300019416/2013 ngày 24 tháng 8 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Giấy nhận nợ cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	175.640.857.288	272.831.857.473
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.100.102.715.471	1.728.793.626.974
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.977.691.856.399)	(1.825.916.880.261)
Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	(67.746.898)
Số cuối năm	298.051.716.360	175.640.857.288

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	424.035.833.253	344.094.064.215
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	1.157.849.198	300.520.627
Các nhà cung cấp khác	44.179.182.977	44.077.417.135
Cộng	<u>469.372.865.428</u>	<u>388.472.001.977</u>

15. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp Trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	52.082.841	33.909.295.221	(33.961.378.062)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	47.644.672.348	(47.644.672.348)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.513.710.207	(15.513.710.207)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.989.750.300	20.231.369.066	(21.499.487.496)	6.721.631.870
Thuế thu nhập cá nhân	1.853.306.965	4.055.113.087	(4.621.316.597)	1.287.103.455
Thuế tài nguyên	150.000	1.800.000	(1.800.000)	150.000
Tiền thuê đất	-	715.624.377	(715.624.377)	-
Thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	<u>9.895.290.106</u>	<u>122.077.584.306</u>	<u>(123.963.989.087)</u>	<u>8.008.885.325</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Năm 2010 và 2011, khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty xác định phần thu nhập tăng thêm được miễn giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, theo trả lời của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh tại Công văn số 3379/CT-TTHT ngày 14 tháng 5 năm 2012, Công ty đã xác định phần thu nhập tăng thêm được giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008. Do đó trong năm 2012, Công ty đã ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2010 và 2011 do điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi. Trong đó, khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung

của năm 2010 là 4.201.861.779 VND được điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011. Thuế phải nộp bổ sung năm 2012 là 241.024.685 VND được ghi nhận vào chi phí năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.208.279.320	82.502.334.253
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.448.403.814	2.082.117.310
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(606.062.140)</u>	<u>(606.062.140)</u>
Thu nhập chịu thuế	91.050.620.994	83.978.389.423
Thu nhập được miễn thuế	<u>(384.000.000)</u>	<u>(288.000.000)</u>
Thu nhập tính thuế	90.666.620.994	83.690.389.423
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	22.666.655.249	20.922.597.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	(2.435.286.183)	(2.622.177.475)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	241.024.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>20.231.369.066</u>	<u>18.541.444.566</u>

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	362.714.957	247.181.938
Các khoản chi phí trích trước khác	1.670.698.026	17.015.134.341
Cộng	<u>2.033.412.983</u>	<u>17.262.316.279</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	17.691.000	7.976.157
Kinh phí công đoàn	810.335.874	1.477.315.836
Cổ tức phải trả	54.131.000	48.355.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.520.960.000	1.046.640.000
Các khoản phải trả khác	<u>30.000.000</u>	<u>38.100.679</u>
Cộng	<u>2.433.117.874</u>	<u>2.618.387.672</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.768.499.937	3.230.269.660	1.210.000	(1.667.600.000)	5.332.379.597
Quỹ phúc lợi	2.408.465.336	1.097.634.830	88.374.000	(1.741.466.935)	1.853.007.231
Cộng	6.176.965.273	4.327.904.490	89.584.000	(3.409.066.935)	7.185.386.828

21. Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 30.362.544.000 VND (năm trước là 30.404.015.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.980.200</i>	<i>18.980.200</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.980.200</i>	<i>18.980.200</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.301.846.575.172	4.057.149.179.510
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>24.974.751.121</i>	<i>22.992.494.584</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>4.276.871.824.051</i>	<i>4.034.156.684.926</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.767.351.626)	(25.540.688.628)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(9.493.288.940)</i>	<i>(20.852.154.171)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.274.062.686)</i>	<i>(4.688.534.457)</i>
Doanh thu thuần	4.291.079.223.546	4.031.608.490.882
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>24.974.751.121</i>	<i>22.992.494.584</i>
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>4.266.104.472.425</i>	<i>4.008.615.996.298</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	26.181.877.783	23.673.705.961
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.848.673.866.748	3.629.747.166.975
Cộng	<u>3.874.855.744.531</u>	<u>3.653.420.872.936</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.238.843.715	4.159.754.869
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	827.550.650	1.051.059.835
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	62.802.484
Cổ tức được chia	384.000.000	288.000.000
Cộng	<u>20.450.394.365</u>	<u>5.561.617.188</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.478.789.876	17.380.497.226
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.841.043	1.069.947.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.555	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(576.000.000)
Cộng	<u>8.710.720.474</u>	<u>17.874.444.277</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	21.436.178.235	17.621.528.086
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.700.700.466	1.052.391.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	674.996.189	705.216.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.375.564.474	30.876.400.700
Chi phí khác	236.243.465.013	200.315.936.190
Cộng	<u>305.430.904.377</u>	<u>250.571.473.420</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.642.755.129	19.876.687.335
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.633.535.412	988.787.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	889.208.771	918.810.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.751.179.838	5.162.866.496
Chi phí khác	8.727.251.778	8.204.045.512
Cộng	<u>40.643.930.928</u>	<u>35.151.196.970</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền hoàn thuế bảo vệ môi trường	1.176.000.000	-
Thu thanh lý tài sản cố định	262.454.545	-
Thu tiền bồi thường hợp đồng	191.489.985	45.494.366
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	1.142.298.425	916.797.988
Thu nhập khác	1.602.097.027	1.492.800.110
Cộng	<u>4.374.339.982</u>	<u>2.455.092.464</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	45.287.353	104.878.678
Chi phí thanh lý tài sản cố định	9.090.910	-
Cộng	<u>54.378.263</u>	<u>104.878.678</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.858.089.797	63.842.069.230
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	65.858.089.797	63.842.069.230
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.470</u>	<u>3.364</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.707.765.147.566	4.648.733.618.043
Chi phí nhân công	111.319.245.890	93.184.977.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.729.359.272	30.011.357.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.358.074.714	81.090.213.491
Chi phí khác	244.970.716.791	208.525.163.797
Cộng	<u>5.198.142.544.233</u>	<u>5.061.545.329.657</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.440.041.214	3.898.821.000
Tiền thưởng, phụ cấp	358.005.000	10.100.000
Cộng	4.798.046.214	3.908.921.000

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Mua nguyên liệu	2.876.395.761.480	2.416.446.697.285
Mượn nguyên liệu	5.928.518.000	-
Trả nguyên liệu	(5.928.518.000)	-
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật		
Mua nguyên liệu, bao bì, gia công	7.732.960.757	4.121.403.272
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	678.367.864	608.595.200

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	-	52.800.000
Cộng nợ phải thu	-	52.800.000
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Mua nguyên liệu	424.035.833.253	344.094.064.215
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	1.157.849.198	300.520.627
Cộng nợ phải trả	425.193.682.451	344.394.584.842

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	499.761.250	499.761.250
Trên 1 năm đến 5 năm	1.999.045.000	1.999.045.000
Trên 5 năm	11.884.208.000	12.883.730.500
Cộng	14.383.014.250	15.382.536.750

Công ty thuê đất tại trụ sở chính và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh dầu đặc: chủ yếu cung cấp các sản phẩm dầu công nghiệp.
- Kinh doanh dầu chiên xào: cung cấp sản phẩm thiết yếu để tiêu dùng hàng ngày.
- Kinh doanh dầu cao cấp: sản phẩm có độ dinh dưỡng cao.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	247.743.616.981	3.594.098.291.727	424.077.889.904	25.159.424.934	4.291.079.223.546
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.743.616.981	3.594.098.291.727	423.887.921.685	25.349.393.153	4.291.079.223.546
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.575.079.274)	41.991.701.674	75.253.171.232	(2.877.218.994)	110.792.574.638
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.643.930.928)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					70.148.643.710
Doanh thu hoạt động tài chính					20.450.394.365
Chi phí tài chính					(8.710.720.474)
Thu nhập khác					4.374.339.982
Chi phí khác					(54.378.263)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(20.231.369.066)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(118.820.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					65.858.089.797
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	182.877.834.641	3.492.518.336.778	332.871.009.725	23.341.309.738	4.031.608.490.882
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.877.834.641	3.492.518.336.778	332.871.009.725	23.341.309.738	4.031.608.490.882
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	993.889.862	70.714.050.328	58.052.847.575	(2.144.643.239)	127.616.144.526
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(35.151.196.970)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					92.464.947.556

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu hoạt động tài chính					5.561.617.188
Chi phí tài chính					(17.874.444.277)
Thu nhập khác					2.455.092.464
Chi phí khác					(104.878.678)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(18.541.444.566)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(118.820.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>63.842.069.230</u>

Các tài sản của Công ty được dùng chung để sản xuất các sản phẩm. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty không theo dõi nợ phải trả cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, công nợ phát sinh trong tháng sẽ được thu hồi trong thời gian 7 ngày đầu của tháng tiếp theo và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả thuần) có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.477,36	-	272.883,00	1,22
Vay và nợ	-	-	(1.693.672,44)	-
Phải trả người bán	-	-	(291.854,74)	(38.124,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	5.477,36	-	(1.712.644,18)	(38.122,78)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thị trường và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có số dư khoản vay có lãi suất thị trường là 298.051.716.360 VND và 0 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 140.395.533.812 VND và 1.693.672,44 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 4.470.775.745 VND (năm trước giảm/tăng 2.105.933.007 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay, vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 4.470.775.745 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giảm/tăng 2.105.933.007 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi bằng VND.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính
Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.466.089.611	-	200.552.722.363	-	406.466.089.611	200.552.722.363
Phải thu khách hàng	98.526.145.641	-	96.501.964.246	-	98.526.145.641	96.501.964.246
Các khoản phải thu khác	3.826.805.150	-	360.166.667	-	3.826.805.150	360.166.667

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.824.000.000	-	1.824.000.000	-	1.824.000.000	1.824.000.000
Cộng	510.643.040.402	-	299.238.853.276	-	510.643.040.402	299.238.853.276

Nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	298.051.716.360	175.640.857.288	298.051.716.360	175.640.857.288
Phải trả người bán	469.372.865.428	388.472.001.977	469.372.865.428	388.472.001.977
Các khoản phải trả khác	2.117.543.983	17.348.771.958	2.117.543.983	17.348.771.958
Cộng	769.542.125.771	581.461.631.223	769.542.125.771	581.461.631.223

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014


 Người lập biểu
 Nguyễn Phương Thảo


 Kế toán trưởng
 Vũ Đức Thịnh


 Tổng Giám đốc
 Hà Bình Sơn



Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	41.758.859.069	348.006.862.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	63.842.069.230	63.842.069.230
Trích lập các quỹ năm trước	-	6.384.206.923	-	3.192.103.462	(12.768.413.847)	(3.192.103.462)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	65.858.089.797	65.858.089.797
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	6.585.808.980	-	569.359.035	(11.483.072.505)	(4.327.904.490)
Chuyển trình bày lại số dư quỹ	-	-	(8.102.230.959)	8.102.230.959	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151


 Nguyễn Phương Thảo
 Người lập biểu


 Vũ Đức Thịnh
 Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2014 

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hùng Cường

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro.....	10
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	13
a) Các khoản đầu tư lớn.....	13
b) Các công ty con, công ty liên kết.....	13
4. Tình hình tài chính.....	13
a) Tình hình tài chính.....	13
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
a) Cổ phần.....	14
b) Cơ cấu cổ đông.....	15
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	15
e) Các chứng khoán khác.....	15
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tình hình tài chính.....	17
a) Tình hình tài sản.....	17
b) Tình hình nợ phải trả.....	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	19
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	20
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	20
a) Một số đặc điểm trong năm 2013 tác động đến kinh doanh của Công ty.....	20
b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013.....	20
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.....	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.....	21
b) Đầu tư xây dựng cơ bản.....	22
V. Quản trị công ty.....	22
1. Hội đồng quản trị.....	22
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	22
b) Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	23
c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.....	23
2. Ban Kiểm soát.....	23
a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	23
b) Hoạt động của Ban kiểm soát.....	24
c) Kết luận công tác giám sát của Ban kiểm soát.....	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	25

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	25
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	26
c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	26
VI. Báo cáo tài chính đã kiểm toán:	27



CookingOil

VanThọ

Olita



Là sản phẩm hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế theo công thức đặc biệt có thể sử dụng ở nhiệt độ cao mà vẫn đảm bảo thức ăn thơm ngon và đầy đủ chất dinh dưỡng. Chuyên dùng để chiên giòn, xào và nấu thức ăn. Đây là sản phẩm chủ lực của Tường An và đã được người tiêu dùng trên mọi miền đất nước tin dùng trên 20 năm qua

Là sản phẩm dầu hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế một cách hoàn hảo dùng để chiên xào làm chính thức ăn. Dầu Vạn thọ mang lại cho người tiêu dùng lựa chọn đa dạng và phong phú cho nhu cầu sử dụng dầu ăn.

Là loại dầu thực phẩm hỗn hợp tinh luyện dùng để chiên xào. Dầu Olita mang lại sự phong phú cho sự lựa chọn cũng như đặc tính vùng miền trong nhu cầu sử dụng dầu ăn của người tiêu dùng.

Ngon

Dầu thực vật tinh luyện



Dầu Mè



Dầu Phộng



Là loại dầu thực phẩm hỗn hợp được tinh luyện từ các loại dầu Olein, dầu đậu nành.

Quy trình chế biến với công nghệ hiện đại lưu giữ tối đa lượng E tự nhiên có trong dầu.

Thích hợp nhất để chiên, xào, làm bánh, thích hợp cho người ăn chay

Là loại dầu ăn có giá trị dinh dưỡng cao, được chế biến từ hạt Mè nguyên chất đã qua tinh luyện, dùng để trộn salad, rau, củ, quả, dùng làm gia vị ướp thực phẩm, chiên xào ... đặc biệt rất tốt cho người già và trẻ em. Đây là loại dầu có hàm lượng tiền chất DHA và EPA cao tốt cho sức khỏe. Nguyên liệu 100% là dầu mè nguyên chất.

Dầu phộng có giá trị dinh dưỡng cao và đã gắn bó với văn hóa ẩm thực và truyền thống của người Việt Nam từ những ngày đầu trong việc dùng dầu thực vật để chế biến thức ăn, 100% nguyên liệu được ép ra từ hạt đậu phộng. Dầu phộng dùng để chiên giòn, xào nấu các món ăn và làm nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm.

Dầu Nành

CANOLA



Được tinh chế từ 100% dầu Nành nguyên chất với công nghệ hiện đại. Chứa hàm lượng acid béo không no Omega-3 và Omega-6 cao giúp phòng ngừa các chứng bệnh liên quan đến tim mạch. Ngoài ra dầu Nành còn cung cấp và giúp hấp thụ tốt các Vitamin tan trong dầu, các tác dụng chống Oxy hóa tự nhiên, bảo vệ tế bào, chống lão hóa và kéo dài tuổi thọ.

Được sản xuất từ 100% dầu hạt cải tinh luyện, đây cũng là sản phẩm đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng. Trong thành phần của dầu Canola có chứa hàm lượng các Acid béo chưa bão hòa cao, có tác dụng đốt cháy chất béo dư thừa trong cơ thể, rất phù hợp cho người ăn kiêng, người muốn giảm cân.

Dầu Canola thích hợp cho món xào, món canh, món salad trộn... Với tác dụng đặc biệt, sản phẩm dầu ăn dành cho người ăn kiêng Dầu Canola đã thu hút được sự chú ý của người nội trợ, đặc biệt là những phụ nữ trẻ tuổi

Được phối trộn theo tỷ lệ thích hợp giữa dầu mè, dầu hạt cải tinh luyện và dầu gấc nguyên chất có bổ sung DHA theo nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị RDA Việt Nam, giàu vitamin A&E tự nhiên giúp trẻ có thể chất khỏe mạnh, mắt sáng, thông minh và phát triển tốt về chiều cao.

Dầu mè và dầu hạt cải là loại dầu dinh dưỡng cao cấp chứa nhiều acid béo thiết yếu Omega-3, Omega-6 cần thiết cho cơ thể, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em đang phát triển và hạ lượng cholesterol trong máu với người cao tuổi.

Season
PREMIUM EDIBLE OIL

Dầu Dừa

MARGARINE
BƠ THỰC VẬT



Dầu Season là sản phẩm dầu ăn cao cấp duy nhất tại Việt Nam được phối trộn từ dầu Nành và Dầu Phộng tinh luyện có bổ sung Vitamin A và D rất tốt cho sức khỏe, Dầu Season dùng để chiên, xào và trộn salad. Ngoài việc được bổ sung Vitamin A và D trong thành phần chứa hàm lượng cao các acid béo không no Omega 3 và Omega 6 giúp cho xương phát triển vững chắc, cơ thể khỏe mạnh, chống lão hóa...

Được sản xuất từ 100% dầu dừa nguyên chất đã được tinh luyện, dầu dừa phục vụ cho nhiều nhu cầu tiêu dùng khác nhau như chiên xào nấu các món thức ăn trong bữa ăn gia đình và dùng làm nguyên liệu cho các ngành chế biến thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm ...

Margarine (bơ thực vật) được chế biến từ các loại dầu thực vật tinh luyện. Margarine có hương thơm ngọt, giàu Vitamin, được sử dụng phổ biến dùng để làm bánh, làm bông bánh kem, chiên thực phẩm ... cho hương vị thơm ngon rất độc đáo hoặc ăn trực tiếp với bánh mì.

Olive Oil



Shortening



Là sản phẩm mới của Tường An trong năm 2011, nguyên liệu được nhập khẩu hoàn toàn từ Tây Ban Nha, quốc gia sản xuất dầu Olive hàng đầu thế giới. Dầu Olive Tường An nguyên chất 100% được chiết xuất từ những trái Olive đạt tiêu chuẩn tốt nhất, lưu giữ các chất chống oxy hóa, vitamin A&E, hợp chất Phenolic giúp ngăn chặn quá trình lão hóa, tốt cho da và tóc. Dầu Olive là sản phẩm chứa hàm lượng axit béo chưa bão hòa Omega -3,6,9 rất cao có tác dụng làm giảm Cholesterol trong máu phòng ngừa các bệnh tim mạch, tai biến mạch máu não...

Bên cạnh việc sử dụng dầu Olive để trộn salad, ướp thịt cá làm gia

vi, dầu Olive còn được sử dụng làm nguyên liệu trong các mỹ phẩm giúp phục hồi da, tóc làm đẹp cho phụ nữ. Sản phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh tối màu, lưu giữ và bảo quản tốt các vi chất có lợi cho sức khỏe.

Là loại dầu thực vật ở dạng đặc được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến thực phẩm (sản xuất bánh kẹo, mì ăn liền, chế biến cafe ...)



Tặng quà tết trung thu tại Trung Tâm Bảo Trợ Thị Nghè



Tặng quà từ thiện tại
Trung Tâm Bảo Trợ Tam Bình



Tặng Báo tại Huyện Cần Giờ



Tài trợ hội thi
“Đồng hành cùng hàng Việt”



Từ thiện tại Nghệ An



Từ thiện tại Quảng Bình



Thực hiện Activation tại chợ Hòa Hưng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (84.8) 38153972 - 38153950 Fax: (84.8) 38153649

www.tuongan.com.vn